TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C M** TỈNH A GIAG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST
Ngày: 28/5/2024
"V/v trAh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ ThAh Nhàn;

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thụy Thùy TrAg - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về "trAh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê DAh T, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 18/9A, khóm Trung Thạnh, phường M Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh A GiAg; có mặt.

2. Bị đơn: Ông PhA Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 13, khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

Bà Đinh Thị ThAh T, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 13, khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê DAh T trình bày, do chỗ quen biết với vợ chồng ông T, bà T nên vào ngày 04 /11/2023 ông có cho vợ chồng ông T, bà T vay với số tiền 270.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doAh, hẹn tròng vòng 01 tháng sẽ trả lại, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau đó giữa ông và vợ chồng ông T, bà T có lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Quách

Bảo Châu, sau khi lập hợp đồng xong thì ông giao số tiền 270.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Quách Bảo Châu, cả hai vợ chồng đều nhận tiền, sau đó vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và hết thời giA 01 tháng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 270.000.000 đồng, ông có lại nhà đòi nhiều lần và điện thoại nhưng vợ chồng ông T bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay 270.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2023; 23/02/2021, giấy căn cước công dân, đơn xin xác nhận nơi cư trú(bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 04/11/2023, ông Lê DAh T có cho ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T vay số tiền 270.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 04/11/2023 đến ngày 04/12/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng. Mục đích ông T, bà T vay tiền của để bổ sung vốn kinh doAh gỗ. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 2 tỉnh A GiAg. Ông T đã giao đủ số tiền 270.000.000 đồng cho ông T, bà T nhận đủ, đến hạn ông T, bà T không trả nợ như thỏa thuận nên ông T khởi kiện yêu cầu ông T, bà T trả 270.000.000 đồng

và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Phía ông T, bà T đã được Tòa án giao nhận các văn bản tố tụng, biết được yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng không có ý kiến phản đối

Xét thấy, căn cứ ông T khởi kiện là hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2023, có nội dung: Ông T có cho ông T, bà T vay số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất cơ bản của Ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng. Phía ông T, bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tại phiên tòa, ông T xác định đã giao đủ số tiền 270.000.000 đồng và ông T, bà T chưa trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên việc ông T khởi kiện là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do ông T, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thAh toán ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nen việc ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê DAh T.

- Buộc ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T trả ông Lê DAh T số nợ 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/11/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê DAh T khởi kiện yêu cầu ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T có nghĩa vụ trả số tiền vay 270.000.000 đồng, ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T cư ngụ khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M nên yêu cầu kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T, bà T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của ông T tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác

định giữa ông T với ông T, bà T có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 04 /11/2023 ông có cho vợ chồng ông T, bà T vay với số tiền 270.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doAh, hẹn tròng vòng 01 tháng sẽ trả lại, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau đó giữa ông và vợ chồng ông T, bà T có lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Quách Bảo Châu, sau khi lập hợp đồng xong thì ông giao số tiền 270.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Quách Bảo Châu, cả hai vợ chồng đều nhận tiền, sau đó vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và hết thời giA 01 tháng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 270.000.000 đồng, ông có lại nhà đòi nhiều lần và điện thoại nhưng vợ chồng ông T bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ thAh toán nợ khi ông T có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông T. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông T, bà T vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông T xuất trình chứng cứ là hợp đồng vay tiền giữa ông T với ông T, bà T.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của ông T phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà ông đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Ông T yêu cầu ông T, bà T có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 270.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 04/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà T Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông T với ông T, bà T cùng xác lập hợp đồng vay với nhau và được lập tại Văn phòng công chứng Quách Bảo Châu, sau khi vay ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả nợ cho ông T, mặc dù ông T có yêu cầu nhiều lần, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông T, bà T có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2023 đến ngày 28/5/2024. Do đó số tiền được tính như sau:

Số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng. Ngày 04/11/2023 đến ngày 28/5/2024 là 206 ngày x lãi suất 20%/năm = 30.900.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 300.900.000 đồng (ba trăm triệu chín trăm ngàn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Lê DAh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê DAh T.

Buộc ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T có nghĩa vụ trả cho ông Lê DAh T số tiền vốn vay 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 30.900.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 300.900.000 đồng (ba trăm triệu chín trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông PhA Văn T, bà Đinh Thị ThAh T phải chịu 15.045.000 đồng (mười lăm triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê DAh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Lê DAh T số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015070 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M cấp ngày 22 tháng 02 năm 2024.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. C M;
- TAD tỉnh A GiAg;
- Chi cục THADS H. C M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn